

Số: 28.1.../QĐ-PH

Củ Chi, ngày 16 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ
01/10/2021 đến 31/12/2021 của trường THPT Phú Hòa.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán và quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 của trường THPT Phú Hòa theo các biểu mẫu đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng văn phòng, bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC Sở GDĐT
- Lưu VT, KT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết bản công khai tài chính công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 và từ 01/07/2021 đến 31/12/2021 của trường THPT Phú Hòa

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại văn phòng trường THPT Phú Hòa tiến hành thực hiện công khai niêm yết công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021 và từ 01/07/2021 đến 31/12/2021

I/ Thành phần gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	– Hiệu trưởng
Ông Ong Đức Thạnh	– Chủ tịch công đoàn
Ông Huỳnh Quốc Ân	– Trưởng ban thanh tra nhân dân
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến	– Kế toán

II/ Nội dung:

Tiến hành thực hiện niêm yết bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021 và từ 01/07/2021 đến 31/12/2021 với nội dung:

- Thời gian bắt đầu kể từ ngày 16/02/2022 đến 17/03/2022
- Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin thông báo trường THPT Phú Hòa, nơi thuận tiện để mọi người trong cơ quan, đơn vị được biết.

Thực hiện công khai niêm yết bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021 và từ 01/07/2021 đến 31/12/2021 kết thúc vào lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN


Ong Đức Thạnh


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Thọ

KẾ TOÁN


Nguyễn Thị Kim Luyến

TRƯỞNG BAN TTND


Huỳnh Quốc Ân

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết bản công khai tài chính công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 và từ 01/07/2021 đến 31/12/2021 của trường THPT Phú Hòa

Hôm nay, vào hồi 16 giờ ngày 17 tháng 03 năm 2021 tại Trường THPT Phú Hòa chúng tôi gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	– Hiệu trưởng
Ông Ong Đức Thạnh	– Chủ tịch công đoàn
Ông Huỳnh Quốc Ân	– Trưởng ban thanh tra nhân dân
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến	– Kế toán

Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021 và từ 01/07/2021 đến 31/12/2021 của trường THPT Phú Hòa tại trụ sở làm việc:

- Thời gian niêm yết: Thời gian bắt đầu kể từ ngày 16/02/2022 kết thúc niêm yết vào lúc 16 giờ ngày 17/03/2022 (30 ngày liên tục).
- Trong quá trình niêm yết công khai không có ý kiến nào của cán bộ, giáo viên, nhân viên đang làm việc tại trường THPT Phú Hòa.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Ong Đức Thạnh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Luyến

TRƯỞNG BAN TTND



Huỳnh Quốc Ân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021

(Kèm theo Quyết định số 28-L/QĐ-PH ngày 16/02/2022 của Trường THPT Phú Hòa)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	186.180.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	186.180.000	
2.1	Học phí	72.000.000	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	114.180.000	
2.3	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	-	
2.4	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	2.283.600	
3.1	Phí -lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	2.283.600	
3.2.2	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	-	
3.2.5	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
4	Thu viện trợ, tài trợ		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	183.896.400	
1	Phí -lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	183.896.400	
2.1	Học phí	72.000.000	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	111.896.400	
2.3	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	-	
2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Thu viện trợ, tài trợ	-	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.832.860.296	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	6.832.860.296	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.367.299.892	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)	58.251.286	
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	562.517.909	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	2.844.791.209	

Ngày 16 tháng 02 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Thọ

Đơn vị: TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Chương: 422

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021

(Kèm theo Quyết định số 881/QĐ-PH ngày 06/04/2021 của Trường THPT Phú Hòa)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu	186.180.000	186.180.000
1	Số thu phí, lệ phí		-
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	186.180.000	186.180.000
	Học phí	72.000.000	72.000.000
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	114.180.000	114.180.000
	Căn tin + Bãi xe	-	-
	Thu lãi ngân hàng	-	-
B	Chi từ nguồn thu được để lại	926.628.459	926.628.459
1.1	Chi học phí công lập	529.327.410	529.327.410
	Chuyển tiền lương nhân viên hợp đồng T09/2021	33.971.050	33.971.050
	Chuyển tiền BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên hợp đồng T09/2021	12.092.800	12.092.800
	Chuyển tiền KPCĐ cho nhân viên hợp đồng T09/2021	755.800	755.800
	Khoản điện thoại cho nhân viên hợp đồng T09/2021	200.000	200.000
	Khoản công tác phí cho nhân viên hợp đồng T09/2021	500.000	500.000
	Chuyển tiền lương nhân viên hợp đồng T09/2021	33.971.050	33.971.050
	Chuyển tiền BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên hợp đồng T09/2021	12.092.800	12.092.800
	Chuyển tiền KPCĐ cho nhân viên hợp đồng T09/2021	755.800	755.800
	Khoản điện thoại cho nhân viên hợp đồng T09/2021	200.000	200.000
	Khoản công tác phí cho nhân viên hợp đồng T09/2021	500.000	500.000
	Thanh toán tiền trang phục giáo viên thể dục, giáo dục quốc phòng	14.000.000	14.000.000
	Chuyển tiền phụ cấp trách nhiệm cấp ủy, phụ cấp kế toán phụ trách từ tháng 01/2021 đến 12/2021.	28.608.000	28.608.000
	Trích CCTL	283.550.000	283.550.000
	Trích quỹ PTHSN	8.650.409	8.650.409
	Trích quỹ Khen thưởng	5.406.506	5.406.506
	Trích quỹ Phúc lợi	27.032.527	27.032.527
	Trích quỹ dự phòng OĐTN	2.162.602	2.162.602
	Chi thu nhập tăng thêm	64.878.066	64.878.066
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	330.550.849	330.550.849
	Chi tiền mua đồ nghiên cứu khoa học theo kế hoạch số 61/KH-PH-CTTT NGÀY 03/03/2021.	1.713.400	1.713.400
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 27/10/2021	200.000	200.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 29/10/2021	200.000	200.000
	Chi tiền gửi bưu điện tháng 8,9,10 /2021.	224.400	224.400
	Chi trả cước mạng internet Tháng 7,8,9/2021 cho đường truyền t008-gfth-hoattp19 và t008-gfth-hoattp1	1.776.002	1.776.002
	Chi tiền thuê ngoài sửa máy lạnh phòng phó hiệu trưởng -Thầy tú	300.000	300.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 04/11/2021	200.000	200.000
	Chi tiền gia hạn phần mềm diệt virus BKav Pro Internet Security HĐ:0163603 ngày 11/10/2021	199.000	199.000
	Chi tiền thưởng cho học sinh tham gia cuộc thi tuyển truyền ngày phụ nữ VN 20/10/2021.	450.000	450.000
	Chi tiền gửi bưu điện tháng 11/2021.	225.020	225.020
	Chi hỗ trợ tiền phí điện thoại cho TT văn phòng, y tế - công tác liên hệ PHHS trong dạy học online.	800.000	800.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 02/11/2021	100.000	100.000
	Thanh toán tiền mua sổ công văn, học bạ HĐ:0008915 NGÀY 16/12/2021.	1.175.000	1.175.000
	Chi tiền xe đi nộp tiền ở NH Đông Á ngày 20/12/2021	100.000	100.000
	Chi tiền công tác phí tháng 12/2021.(10/11/2021 đến 28/12/2021)	250.000	250.000
	Chi tiền gửi bưu điện tháng 12/2021.	204.220	204.220
	Chuyển tiền nước Lavie HĐ 0001989 ngày 20/09/2021	4.950.000	4.950.000
	Chi tiền hỗ trợ giáo viên tập huấn phần mềm dạy học trực tuyến NH:2021-2022	1.000.000	1.000.000
	Chi thưởng các lớp đạt giải "lớp học xanh sạch đẹp" NH:2020-2021	3.800.000	3.800.000
	Chuyển tiền đóng tiền điện tháng 10/2021 MKH:PE09000051814 (theo thông báo ngày 12/10/2021)	4.015.034	4.015.034
	Chi tiền hỗ trợ công tác tuyển sinh vào lớp 10 NH:2021-2022	8.000.000	8.000.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T9/2021	7.310.000	7.310.000
	Chuyển tiềnban thanh tra nhân dânT9/2021)	350.000	350.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T10/2021	7.310.000	7.310.000
	Chuyển tiềnban thanh tra nhân dânT10/2021)	350.000	350.000
	Chuyển tiền tạp chí giáo dục TPHCM năm 2021- 1 cuốn (HĐ:0001692)	838.500	838.500
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T11/2021	7.310.000	7.310.000
	Chuyển tiềnban thanh tra nhân dânT11/2021)	350.000	350.000
	Chi tiền hỗ trợ công tác tham gia tiêm vắc xin covid 19 cho học sinh ngày 28,29/10/2021	8.000.000	8.000.000
	Chi tiền hỗ trợ công tác phí điện thoại cho GVCN (dạy online) tháng 9,10,11,12/2021.	13.600.000	13.600.000
	Chuyển tiền cước mạng Viettel trả trước 6 tháng (từ 16/10 đến 16/05/2022)- HĐ:3499710	5.280.000	5.280.000
	Chi trả tiền thuê xe chở giáo viên đi gác thi tốt nghiệp THPT NH:2020-2021 (HĐ:0000784 ngày 02/11/2021)	8.000.000	8.000.000
	Chuyển tiền thu gom rác T10/2021 (HĐ:0003857 ngày 18/10/2021)	811.000	811.000



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
	lắp đặt thiết bị tin học cho giảng dạy trực tiếp- do dịch bệnh covid nên chia lớp học ra (HĐ:0000490 ngày 16/11/2021)	31.317.000	31.317.000
	Thanh toán tiền mua giấy thi , bao thư, túi hồ sơ (HĐ:79383,79384,79385 ngày 16/11/2021)	14.450.000	14.450.000
	Chi tiền hỗ trợ tham gia hội nghị ngày 13/11/2021 NH:2021-2022.	5.500.000	5.500.000
	Chi tiền hỗ trợ công tác tham gia tiêm vắc xin covid 19 mũi 2 cho học sinh ngày 22/11/2021.	8.200.000	8.200.000
	Chi tiền hỗ trợ GV-NV tham gia công tác lao động - sửa chữa điện tháng 10,11/2021	2.500.000	2.500.000
	Thanh toán tiền cập nhật PM kasperky internet security cho 3 máy tính và 5 thiết bị HĐ:0000004 ngày 29/11/2021.	1.550.000	1.550.000
	Thanh toán tiền thay hộp mực canon 3300-2900 HĐ:0000005 ngày 30/11/2021.	11.264.000	11.264.000
	Thanh toán tiền mua thiết bị phát wifi ,sữa máy in và điện thoại bàn HĐ:0000006 ngày 30/11/2021.	3.190.000	3.190.000
	Chi tiền hỗ trợ trực báo về thể anh sơn bảo vệ bị bệnh (từ ngày 4/11/2021 đến 21/11/2021)	4.500.000	4.500.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T12/2021	7.310.000	7.310.000
	Chuyển tiềnban thanh tra nhân dânT12/2021)	350.000	350.000
	Thanh toán tiền lương cho nhân viên HĐLĐ tháng 12/2021.	34.671.050	34.671.050
	Chuyển 8% BHXH tháng 12/2021	3.023.200	3.023.200
	Chuyển 1,5% BHYT tháng 12/2021	566.850	566.850
	Chuyển 1% BHTN tháng 12/2021	377.900	377.900
	Chuyển 17,5% BHXH tháng 12/2021	6.613.250	6.613.250
	Chuyển 3% BHYT tháng 12/2021	1.133.700	1.133.700
	Chuyển 1% BHTN tháng 12/2021. (Hợp đồng lao động - Mã đơn vị: SQ0110)	377.900	377.900
	Chuyển 2% kinh phí công đoàn tháng 12/2021. (Hợp đồng lao động - Mã đơn vị: SQ0110).	755.800	755.800
	Thanh toán tiềnthu gom rác T12/2021 ,HĐ:0004292 ngày 02/12/2021.	811.000	811.000
	Thanh toán tiền cước internet và cước điện thoại Tháng 11/2021.	548.577	548.577
	Thanh toán tiền mua cồng sắt khuẩn HĐ:0015395 ngày 01/12/2021.	480.000	480.000
	Chi tiền công tác phí đầu năm 2021.	1.490.000	1.490.000
	Chi tiền cá nhân hoàn thành xuất sắc công tác phòng chống dịch covid 19 năm 2021.	1.800.000	1.800.000
	Chi tiền hỗ trợ cho cán bộ giáo viên, nhân viên cho công tác phòng chống dịch covid T9,10,11,12/2021.	28.633.500	28.633.500
	Thanh toán tiền mua đồ sửa điện HĐ:0021585 ngày 12/12/2021.	6.200.000	6.200.000
	Thanh toán tiền mua đồ sửa máy bơm nước HĐ:0021584 ngày 12/12/2021.	3.900.000	3.900.000
	Thanh toán tiền điện tháng 12/2021 MKH:PE09000051814.	5.376.756	5.376.756
	Thanh toán tiền lắp đặt khung cửa sắt đường lên cầu thang HĐ:0000247 ngày 05/12/2021.	24.528.790	24.528.790
	Thanh toán tiền mua VSP khăn lau bàn HĐ:0067568 ngày 10/12/2021	850.000	850.000
	Chi tiền công tác phí đầu ngày 22/12/ 2021.	80.000	80.000
	Thanh toán tiền mua PT PCCC và cứu nạn, cứu hộ năm 2021 HĐ:0071324 ngày 28/12/2021	17.610.000	17.610.000
	Thanh toán tiền mua máy đo thân nhiệt và khử trùng tự động HĐ:19 ngày 24/12/2021	10.000.000	10.000.000
	Chi tiền hỗ trợ công tác điện nước tháng 12/2021.	1.200.000	1.200.000
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	66.750.200	66.750.200
	Trích nguồn CCTL	40.050.120	40.050.120
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	26.700.080	26.700.080
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK	-	-
	Trích nguồn CCTL	-	-
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	-
C	Số thu nộp NSNN	2.283.600	2.283.600
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)	-	-
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	2.283.600	2.283.600
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	-	-
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	-	-
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	6.832.860.296	6.832.860.296
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.367.299.892	3.367.299.892
MLNS	Nội dung kinh tế	-	-
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.100.481.286	1.100.481.286
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	-	-
6101	Phụ cấp chức vụ	17.424.014	17.424.014
6105	Phụ cấp làm thêm, làm thêm giờ	-	-
6107	Phụ cấp năng nhọc, độc hại, nguy hiểm	-	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	327.121.371	327.121.371
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	907.500	907.500
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13.736.071	13.736.071
6201	Thưởng thường xuyên (chiến sĩ thi đua cơ sở)	48.425.000	48.425.000
6299	Chi khác	-	-
6301	Bảo hiểm xã hội	198.037.295	198.037.295
6302	Bảo hiểm y tế	33.949.239	33.949.239
6303	Kinh phí công đoàn	22.546.038	22.546.038
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.098.178	11.098.178
6404	Chi thu nhập tăng thêm cuối năm	951.040.856	951.040.856
6449	Chi khác	-	-
6501	Tiền điện	-	-
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	1.622.000	1.622.000
6551	Văn phòng phẩm	-	-
6599	Vật tư văn phòng khác	-	-
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	275.257	275.257
6603	Cước phí bưu chính	-	-
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	308.550	308.550

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
6608	Tạp chí thư viện		
6618	Khoản điện thoại		-
6704	Khoản công tác phí	2.400.000	2.400.000
6757	Thuê lao động trong nước	3.900.000	3.900.000
6921	Đường điện, cấp thoát nước		-
7049	Chi khác (Chi sản bãi GDQP)		-
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		-
7951	Trích quỹ dự phòng OĐTN		-
7952	Trích quỹ Phúc lợi	31.701.362	31.701.362
7953	Trích quỹ Khen thưởng	396.267.023	396.267.023
7954	Trích quỹ PTHĐSN	79.253.405	79.253.405
1.2	Chi cải cách tiền lương (Thường xuyên)	126.805.447	126.805.447
MLNS	Nội dung kinh tế	58.251.286	58.251.286
6001	Lương theo ngạch, bậc		-
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	1.802.874	1.802.874
6101	Phụ cấp chức vụ		-
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		-
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	50.386.360	50.386.360
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		-
6301	Bảo hiểm xã hội	237.118	237.118
6302	Bảo hiểm y tế	494.614	494.614
6303	Kinh phí công đoàn	84.793	84.793
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	5.217.263	5.217.263
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	28.264	28.264
MLNS	Nội dung kinh tế	562.517.909	562.517.909
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		-
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	66.913.718	66.913.718
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	223.915.808	223.915.808
6301	Bảo hiểm xã hội	8.200.000	8.200.000
6302	Bảo hiểm y tế	39.185.304	39.185.304
6303	Kinh phí công đoàn	6.717.496	6.717.496
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	4.460.730	4.460.730
6449	Chi khác (trợ cấp vùng sâu)	2.155.853	2.155.853
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở GDĐT theo chế độ	163.800.000	163.800.000
7799	Chi các khoản khác (hỗ trợ nv y tế)	45.819.000	45.819.000
1.3	Chi cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	1.350.000	1.350.000
MLNS	Nội dung kinh tế	2.844.791.209	2.844.791.209
6001	Lương theo ngạch, bậc		-
6101	Phụ cấp chức vụ	252.192.360	252.192.360
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	4.032.000	4.032.000
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	25.019.837	25.019.837
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	210.000	210.000
6301	Bảo hiểm xã hội	2.816.688	2.816.688
6302	Bảo hiểm y tế	45.332.185	45.332.185
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	7.771.233	7.771.233
6449	Chi khác (TNTT theo NQ 03/2018/NQ-HĐND)	2.539.911	2.539.911
		2.504.876.995	2.504.876.995

Ngày 16 tháng 02 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Thọ

